TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16-3-2023
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoan
2. Bà Nguyễn Thị Hồng

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dươngtham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2023/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị Minh N, sinh năm 1983

Nơi cư trú: thôn Đôn G, xã Cộng L, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1965

Nơi cư trú: thôn Đôn G, xã Cộng L, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Vũ Thị Nhài trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Minh N và anh Nguyễn Văn P được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Cộng Lạc, huyện Tứ Kỳ ngày 14/7/2022. Sau khi kết hôn, chị N và anh P sinh sống tại thôn Đôn Giáo, xã Cộng Lạc, huyện Tứ Kỳ, anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mặc dù vợ chồng sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thảo N, sinh ngày 08/10/2013, hiện nay cháu Nhi đang ở cùng anh chị. Khi ly hôn chị đề nghị giao cháu Nhi cho anh P nuôi dưỡng vì chị không có công việc và chỗ ở

ổn định nên không thể cho cháu nhi có được sự phát triển tốt nhất, nếu anh P không muốn nuôi con thì chị sẽ nuôi con và yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai của anh Nguyễn Văn P gửi Tòa án, anh P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định lời trình bày của chị N về điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là đúng, đến nay anh xác định không còn tình cảm với chị N nên chị N xin ly hôn anh thì anh đồng ý ly hôn chị N.

Về con chung: Anh xác định lời trình bày của chị N về số lượng con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh của con chung là đúng, hiện con chung đang ở cùng anh. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Biên bản xác minh tại UBND xã Cộng Lạc, huyện Tứ Kỳ thể hiện: Chị Phạm Thị Minh N và anh Nguyễn Văn P có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã vào ngày 14/7/2022. Do anh chị mới sống với nhau được thời gian ngắn và cũng chưa lần nào nhờ địa phương hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nên địa phương không nắm được mâu thuẫn giữa hai anh chị. Chị N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P, quan điểm địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Chị N và anh P có 01 con chung là Nguyễn Thảo N, hiện đang sống cùng anh chị. Anh P có công việc, chỗ ở ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Khi anh chị ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà, chị N, anh P vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Toà án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Minh N về xin ly hôn anh Nguyễn Văn P; Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Thảo N, sinh ngày 08/10/2013 cho anh Nguyễn Văn P trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh P về không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con. Chị N có quyền thăm nom con chung không ai được phép ngăn cản; Về án phí: Chị Phạm Thị Minh N phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Phạm Thị Minh N có đơn khởi kiệnyêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn giữa chị và Nguyễn Văn P, tại thời điểm thụ lý vụ án anh P sinh sống tại thôn Đôn G, xã Cộng L, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương. Do đó TAND huyện Tứ Kỳ thụ lý để giải quyết là đúng về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[1.2] Chị N, anh Pđã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt chị N, anh Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Minh N và anh Nguyễn Văn P được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Cộng Lạc, huyện Tứ Kỳ ngày 14/7/2022nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, do mâu thuẫn kéo dài không được khắc phục nên anh chị mặc dù ở cùng nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, cả chị N và anh P đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P, anh P đồng ý ly hôn chị N. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh P là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị N, anh P có 01con chung là cháu Nguyễn Thảo N, sinh ngày 08/10/2013, hiện nay cháu Nhi đang ở cùng anh chị. Khi ly hôn chị N đề nghị giao con chung cho anh P nuôi dưỡng vì chị không có chỗ ở và công việc ổn định, anh P có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con, cháu Nhi có đơn trình bày nguyện vọng được ở với bố. Xét thấy anh P có công việc và nơi ở ổn định, còn chị N không có chỗ ở cũng như công việc ổn định, nên để đảm bảo cho cháu Nhi có được sự phát triển tốt nhất về mọi mặt cần giao cháu Nhi cho anh P nuôi dưỡng chăm sóc đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), chấp nhận sự tự nguyện của anh P không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ: Chị N và anh P không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị Minh Nkhởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Minh N được ly hôn anh Nguyễn Văn P

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thảo N, sinh ngày 08/10/2013cho anh Nguyễn Văn P nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con

chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn P không yêu cầu chị Phạm Thị Minh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phạm Thị Minh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Minh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003256 ngày 31/01/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Chị N đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn, bị đơn được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã Cộng Lạc, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Thành